

Số: /QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề án Phát triển nuôi và xuất khẩu tôm hùm đến năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-TTg ngày 18/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án Phát triển nuôi và xuất khẩu tôm hùm đến năm 2025 (Đề án chi tiết kèm theo Quyết định).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển miền Trung; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, CT, TN&MT, CA, QP, KH&CN;
- UBND tỉnh và Sở NN&PTNT các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và thành phố Đà Nẵng;
- Hội nghề cá Việt Nam, Hiệp hội VASEP, Hiệp hội Nuôi biển Việt Nam;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCTS (12).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến

Phụ lục

ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NUÔI VÀ XUẤT KHẨU TÔM HÙM ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BNN-TCTS ngày/...../2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nuôi và xuất khẩu tôm hùm theo hướng bền vững và hiệu quả, bảo đảm chất lượng và an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025: thể tích lồng nuôi đạt khoảng 1,6 triệu m³, diện tích nuôi trong hệ thống trên bờ đạt 180 ha; tổng sản lượng nuôi đạt 3.000 tấn/năm; giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 200 triệu USD/năm (bao gồm xuất khẩu tại chỗ).

- Đảm ứng đủ nhu cầu về số lượng (khoảng 9-10 triệu con tôm giống) đảm bảo chất lượng, nguồn gốc.

- Áp dụng các công nghệ nuôi tiên tiến để nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và nguồn lợi hải sản.

- Đảm bảo 100% các vùng nuôi tôm hùm tập trung và các cơ sở đóng gói, sơ chế, chế biến, bảo quản tôm hùm xuất khẩu được cấp mã số và đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc, đáp ứng quy định thị trường tiêu thụ.

II. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

1. Về giống

- Quản lý khai thác có hiệu quả, bền vững nguồn tôm hùm giống tự nhiên và kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguồn giống tôm hùm nhập khẩu.

- Từng bước chủ động nguồn tôm hùm giống thông qua: nâng cao hiệu quả ương nuôi tôm giống, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng sản xuất nhân tạo giống tôm hùm và phát triển các vùng sản xuất giống tập trung.

2. Về nuôi thương phẩm

- Quản lý và kiểm soát chặt chẽ điều kiện cơ sở nuôi tôm hùm theo quy định đồng thời rà soát, sắp xếp mật độ lồng nuôi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Đánh giá sức tải môi trường các vùng nuôi tôm hùm tập trung;

- Thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường và phòng chống dịch bệnh, nhất là bệnh sữa và việc sử dụng các loại thuốc, hóa chất trong nuôi tôm hùm.

- Tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị để tạo ra các vùng sản xuất nguyên liệu lớn, tập trung gắn với cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản và thị trường tiêu thụ.

- Nghiên cứu, thử nghiệm các mô hình nuôi tôm hùm bằng lồng tại các vùng biển xa bờ, vùng biển hở, nuôi trên bờ (nuôi trong bể sử dụng hệ thống tuần hoàn).

- Định hướng phát triển nuôi tôm hùm thương phẩm đến năm 2025 ở một số địa phương như sau:

(i) **Tại tỉnh Quảng Bình:** Phát triển hình thức nuôi tôm hùm trong hệ thống tuần hoàn trên bờ tại các vùng ven biển, với diện tích 20 ha; sản lượng nuôi hàng năm đạt 60 tấn/năm.

(ii) **Tại thành phố Đà Nẵng:** Phát triển nuôi tôm hùm bằng lồng tại bán đảo Sơn Trà với thể tích 2.000-5.000m³; sản lượng nuôi hàng năm đạt 5-10 tấn/năm.

(iii) **Tại tỉnh Quảng Nam:** Phát triển hình thức nuôi trong hệ thống tuần hoàn trên bờ tại huyện Núi Thành với diện tích 20 ha; sản lượng nuôi hàng năm đạt 60 tấn/năm.

(iv) **Tại tỉnh Quảng Ngãi:** Phát triển nuôi cả hai hình thức (nuôi tôm hùm bằng lồng trên biển và nuôi trong hệ thống tuần hoàn trên bờ); tập trung phát triển tại huyện đảo Lý Sơn với thể tích lồng nuôi 20.000 m³; phát triển nuôi trong hệ thống trên bờ tại huyện Bình Sơn (xã Bình Thuận) với diện tích 20 ha; sản lượng nuôi hàng năm đạt 100 tấn/năm.

(v) **Tại tỉnh Bình Định:** Phát triển nuôi cả hai hình thức (nuôi tôm hùm bằng lồng trên biển và nuôi trong hệ thống tuần hoàn trên bờ); tập trung phát triển nuôi tôm hùm bằng lồng tại xã Nhơn Hải (thành phố Quy Nhơn) với thể tích 16.200 m³, phát triển nuôi trong hệ thống trên bờ tại huyện Phù Mỹ, diện tích 20 ha; sản lượng nuôi hàng năm đạt 80 tấn/năm.

(vi) **Tại tỉnh Phú Yên:** Phát triển nuôi với hai hình thức (nuôi tôm hùm bằng lồng trên biển và nuôi trong hệ thống tuần hoàn trên bờ); tổng diện tích nuôi là 1.000 ha, tập trung tại đầm Cù Mông 253 ha, vịnh Xuân Đài 747 ha với tổng số lồng là 45.000 lồng, tương ứng khoảng 405.000 m³. Bố trí diện tích ương tôm hùm giống theo mùa vụ trong số 650 ha tại các vùng biển hỏ huyện Tuy An. Diện tích nuôi tôm hùm trên bờ là 40-70 ha, sản lượng nuôi hàng năm đạt 1.070 tấn/năm.

(vii) **Tại tỉnh Khánh Hòa:** Phát triển nuôi với hai hình thức (nuôi tôm hùm bằng lồng trên biển và nuôi trong hệ thống tuần hoàn trên bờ). Tập trung phát triển nuôi lồng, bè tại : lạch Cổ Cò, ven bờ Xuân Tự, Bãi Lạch, Bãi Sứ (vịnh Vân Phong) với tổng thể tích lồng nuôi tôm hùm 416.000 m³, đầm Nha Phu (xã Ninh Ích, Ninh Vân) với tổng thể tích lồng nuôi là 12.800 m³; vịnh Nha Trang với tổng thể tích lồng nuôi là 185.600 m³; vùng Cam Lập, Bình Ba, Bình Hưng (vịnh Cam Ranh) với tổng thể tích lồng nuôi 721.500 m³. Phát triển nuôi trong hệ thống trên bờ tại bãi ngang huyện Vạn Ninh, diện tích 20 ha; sản lượng nuôi hàng năm đạt 1.300 tấn/năm.

(viii) **Tại tỉnh Ninh Thuận:** Phát triển nuôi với hai hình thức (nuôi tôm hùm bằng lồng trên biển và nuôi trong hệ thống tuần hoàn trên bờ); tập trung phát triển nuôi tôm hùm bằng lồng tại: vịnh Phan Rang thuộc huyện Ninh Hải, mở rộng phát triển vùng biển xa bờ, thể tích lồng nuôi 45.000 m³; phát triển nuôi trong hệ thống trên bờ tại xã An Hải, huyện Ninh Phước, diện tích 20 ha; sản lượng nuôi hàng năm đạt 200 tấn/năm.

(ix) **Tại tỉnh Bình Thuận:** Phát triển nuôi tôm hùm bằng lồng tại đảo Phú Quý với thể tích lồng nuôi 2.700m³; sản lượng nuôi hàng năm đạt 120 tấn/năm.

3. Đối với chế biến và tiêu thụ sản phẩm

- Tổ chức lại hệ thống thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển tiêu thụ sản phẩm đảm bảo gắn kết chặt chẽ với vùng nuôi tôm hùm tập trung.

- Áp dụng các quy trình quản lý tiên tiến và công nghệ mới vào khâu thu hoạch, vận chuyển, chế biến, bảo quản tôm hùm để tiết kiệm nhiên liệu, giảm giá thành sản phẩm, nghiên cứu hoàn thiện công nghệ bảo quản, vận chuyển sống tôm hùm, đa dạng hóa sản phẩm, tăng tỷ trọng mặt hàng giá trị gia tăng từ tôm hùm đáp ứng nhu cầu và quy định của thị trường tiêu thụ

- Xây dựng các kênh phân phối, tiêu thụ ổn định thị trường trong nước; duy trì các thị trường xuất khẩu truyền thống và mở rộng thị trường tiềm năng theo hướng chính ngạch.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Về tổ chức và quản lý sản xuất

- Các địa phương: rà soát, điều chỉnh kế hoạch phát triển sản xuất tôm hùm (vùng sản xuất giống, vùng nuôi thương phẩm) để đưa vào quy hoạch sử dụng đất, mặt nước biển theo quy định.

- Thực hiện cấp phép nuôi biển và xác nhận đăng ký nuôi lồng, bè theo quy định của Luật Thủy sản năm 2017.

- Tổ chức lại nuôi tôm hùm theo chuỗi giá trị; xây dựng mô hình liên kết các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ thành các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Chi hội nghề nghiệp liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm. Xúc tiến thành lập Hiệp hội của người nuôi, chế biến và xuất khẩu tôm hùm Việt Nam.

- Kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất: điều kiện cơ sở nuôi; sản xuất, cung cấp con giống; thức ăn; thuốc, hóa chất; sản phẩm xử lý cải tạo môi trường và vật tư phục vụ trong nuôi tôm.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác nguồn giống tôm hùm tự nhiên; ban hành các quy định về kích cỡ, nghề khai thác và mùa vụ khai thác tôm hùm giống tự nhiên. Thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ nguồn lợi tôm hùm giống tự nhiên.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để thiết lập cơ sở dữ liệu về sản xuất, xuất khẩu tôm hùm.

2. Về khoa học công nghệ và khuyến ngư

- Hợp tác với các quốc gia như Úc, New Zealand, Nhật Bản nghiên cứu đề chủ động sản xuất giống nhân tạo tôm hùm bông và tôm hùm xanh.

- Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi tôm hùm trên bờ sử dụng hệ thống lọc nước tuần hoàn, thức ăn công nghiệp.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy trình nuôi tôm hùm theo nhiều giai đoạn nhằm nâng cao năng suất, tăng tỷ lệ sống, giảm hệ số sử dụng thức ăn, giảm rủi ro do dịch bệnh, hạn chế các tác động làm ô nhiễm môi trường và nâng cao hiệu quả kinh tế cho người nuôi.

- Nghiên cứu thử nghiệm mô hình nuôi tôm hùm ứng dụng công nghệ cao tại các vùng biển xa bờ, vùng biển hỏ bằng vật liệu mới (lưới làm lồng bằng hợp kim đồng, khung lồng làm bằng nhựa HDPE,...).

- Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ và dây chuyền sản xuất thức ăn hỗn hợp theo quy mô công nghiệp, nhằm giảm hệ số sử dụng thức ăn, giảm giá thành, tăng sức đề kháng, nâng cao tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ sống trong quá trình nuôi; cải thiện màu sắc và hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

- Đào tạo, tập huấn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, nhân rộng các mô hình nuôi tôm hùm tiên tiến cho các cơ sở nuôi tôm hùm, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và phát triển bền vững.

3. Về phòng trị bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tập trung nghiên cứu và đề xuất các biện pháp phòng trị bệnh hiệu quả trên tôm hùm nuôi, đặc biệt là những bệnh thường gặp như: bệnh sứa, đen mang, đốm trắng trên vỏ, đỏ thân, trắng râu, long đầu,...

- Tăng cường công tác quản lý môi trường, dịch bệnh theo quy định; xây dựng và triển khai thực hiện hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường tự động tại các vùng nuôi tập trung, trọng điểm; kịp thời cảnh báo ứng phó với hiện tượng biến đổi khí hậu.

- Tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực thi pháp luật của người nuôi tôm hùm về các quy định phòng chống dịch bệnh, quy trình kỹ thuật nuôi, phòng chống thiên tai...; đồng thời tăng cường việc kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Chính quyền địa phương xây dựng, ban hành quy chế thu gom, xử lý chất thải các vùng nuôi tôm hùm; thực hiện việc quản lý thu gom và xử lý chất thải từ nuôi tôm hùm.

4. Về tiêu thụ nội địa và xuất khẩu tôm hùm

- Xây dựng hệ thống dịch vụ vận chuyển, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm tôm hùm sống tại thị trường nội địa.

- Nhà nước hỗ trợ trong công tác xúc tiến thương mại mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tôm hùm tại nước ngoài,

- Tổ chức đàm phán, tháo gỡ rào cản, vướng mắc trong nhập khẩu tôm hùm giống từ các nước: Indonesia, Philippines, Myanmar, Srilanka, Singapore,...

- Thu hút các đơn vị tham gia xây dựng và mở rộng hệ thống phân phối tôm hùm sống bao gồm các điểm thu mua, lưu giữ tại vùng nuôi tập trung; các điểm trung chuyển trước khi phân phối để tạo sản phẩm tôm sạch, đảm bảo chất lượng và yêu cầu truy xuất nguồn gốc.

- Tiếp tục áp dụng các giải pháp công nghệ trong chế biến, bảo quản đặc biệt là đầu tư chế biến sản phẩm giá trị gia tăng, công nghệ bảo quản vận chuyển sống tôm hùm nhằm đa dạng sản phẩm, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm tôm hùm Việt Nam.

5. Về vốn, đầu tư

- Thực hiện hợp tác công tư, thu hút nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước trong các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, phát triển nuôi, chế biến xuất khẩu tôm hùm.

- Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư các dự án nghiên cứu thử nghiệm, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất giống, thức ăn, nuôi tôm hùm lồng ở các vùng biên xa, biên hờ, nuôi trong hệ thống trên bờ; quan trắc cảnh báo môi trường, bệnh dịch; điều tra, bảo vệ nguồn lợi tôm hùm; đầu tư hạ tầng vùng nuôi tôm hùm trọng điểm.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHÍNH

(Phụ lục các chương trình, dự án đầu tư kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng cục Thủy sản

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan trực thuộc Bộ, các cơ quan, đơn vị có liên quan để hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc tổ chức thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thẩm định các chương trình, dự án phát triển nuôi và xuất khẩu tôm hùm theo thẩm quyền và theo nhiệm vụ đã được phân công tại đề án này.

- Chủ trì tham mưu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; các tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng giống, thức ăn, quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm, quy định về quản lý khai thác, bảo vệ nguồn lợi tôm hùm giống tự nhiên, các cơ chế chính sách để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển nuôi và xuất khẩu tôm hùm.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện đề án; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Bộ tình hình thực hiện. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án khi cần thiết để phù hợp thực tiễn; báo cáo Bộ trưởng các vấn đề vượt thẩm quyền được giao.

2. Vụ Kế hoạch: Phối hợp với Tổng cục Thủy sản và các đơn vị có liên quan thẩm định các dự án đầu tư của Đề án theo thẩm quyền và bố trí nguồn vốn triển khai thực hiện.

3. Vụ Hợp tác quốc tế: Chủ động hợp tác với các quốc gia, các tổ chức quốc tế có kinh nghiệm và công nghệ tiên tiến liên quan đến sản xuất và xuất khẩu tôm hùm để trao đổi thông tin, hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; kịp thời thông báo Tổng cục Thủy sản và các đơn vị có liên quan để phối hợp thực hiện.

4. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thủy sản tổng hợp đề xuất danh mục các nhiệm vụ khoa học ưu tiên thực hiện,

- Hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ khoa học, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công;

- Chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình/dự án nghiên cứu đối với tôm hùm.

5. Vụ Tài chính: Bố trí vốn ngân sách cấp cho các dự án, các nhiệm vụ khoa học công nghệ của Đề án theo thẩm quyền; thực hiện các nhiệm vụ có liên quan.

6. Vụ Tổ chức cán bộ: Chủ trì phối hợp với Tổng cục Thủy sản và các đơn vị có liên quan xúc tiến việc thành lập Hiệp hội của người nuôi, chế biến và xuất khẩu tôm hùm Việt Nam.

7. Cục Thú y:

- Triển khai thực hiện các nội dung, giải pháp liên quan đến công tác kiểm dịch, phòng chống dịch bệnh trên tôm hùm theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn phòng trừ bệnh dịch trên tôm hùm; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng kháng sinh trong nuôi tôm hùm và kiểm dịch tôm hùm giống nhập khẩu.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan trực thuộc Bộ, các cơ quan, đơn vị có liên quan, các địa phương xây dựng, triển khai thực hiện dự án thành phần.

8. Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản:

- Phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan để nghiên cứu, đánh giá, xây dựng kế hoạch xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ, xuất khẩu tôm hùm.

- Kịp thời thông báo thông tin thị trường tiêu thụ tôm hùm cho Tổng cục Thủy sản và các đơn vị, hiệp hội liên quan; phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của thị trường nhập khẩu tôm hùm đến các tổ chức, cá nhân liên quan.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và hỗ trợ địa phương, doanh nghiệp xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm tôm hùm.

9. Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản: Triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm sản phẩm tôm hùm; kiểm tra, đánh giá và cấp chứng nhận an toàn thực phẩm, mã số xuất khẩu cho các cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản tôm hùm theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công.

10. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia: Phối hợp với Tổng cục Thủy sản, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng kết mô hình sản xuất hiệu quả từ thực tiễn và những tiến bộ kỹ thuật mới để phổ biến nhân rộng các mô hình sản xuất tôm hùm mang lại hiệu quả kinh tế cao, ổn định và bền vững.

11. Các Viện, Trường nghiên cứu về Thủy sản: Cùng với các đơn vị quản lý triển khai thực hiện nghiên cứu và chuyển giao các nghiên cứu đến doanh nghiệp, người dân nuôi tôm hùm.

12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển miền Trung

- Rà soát hiện trạng, xác định tiềm năng, lợi thế phát triển để tham mưu UBND tỉnh xây dựng phương án quy hoạch chi tiết vùng nuôi tôm hùm để tích hợp vào quy hoạch tỉnh; tổ chức sắp xếp lại lồng, bè nuôi tôm hùm theo đúng quy hoạch phù hợp với nội dung của Đề án; thực hiện hướng dẫn đăng ký, cấp phép cho các cơ sở nuôi tôm hùm theo đúng quy định.

- Chủ trì phối hợp trong quản lý bảo vệ nguồn lợi tôm hùm giống; kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống tôm hùm nhập khẩu và phối hợp với các cơ quan nghiên cứu trong công tác quan trắc môi trường, phòng trừ dịch bệnh.

- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn các cơ sở ương, nuôi tôm hùm về quy trình kỹ thuật nuôi và biện pháp phòng chống dịch bệnh; nâng cao nhận thức các cơ sở nuôi trong việc thu gom và xử lý chất thải trong quá trình nuôi.

- Xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh trên tôm hùm. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát vùng nuôi tôm hùm, các cơ sở khai thác và kinh doanh tôm hùm giống. Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, phát hiện sớm và xử lý kịp thời khi có dịch xảy ra, báo cáo kịp thời với Bộ tình hình dịch bệnh.

- Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ để xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, các dự án đầu tư sản xuất và xuất khẩu tôm hùm theo quy định.

- Tổ chức và hướng dẫn thực hiện; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung Đề án trên địa bàn, đảm bảo được triển khai đúng tiến độ; kịp thời báo cáo đề xuất điều chỉnh, bổ sung Đề án để phù hợp thực tiễn sản xuất.

13. Các Hội, Hiệp hội

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc huy động các nguồn lực xã hội; vận động, có biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các thành viên phát triển, đi đôi với tăng cường quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu;

- Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam chủ trì, phối hợp xây dựng định hướng thị trường, chương trình xúc tiến thương mại, thương hiệu tôm hùm; thường xuyên cung cấp thông tin về thị trường khu vực và trên thế giới cho doanh nghiệp xuất khẩu và người sản xuất và kinh doanh xuất khẩu./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Phụ lục:
CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BNN-TCTS ngày/...../2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Chương trình/dự án đầu tư	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (Triệu đồng)
I	VỀ NUÔI				23.000
1	Dự án 1: “Thí điểm xây dựng mô hình nuôi tôm hùm thương phẩm công nghệ cao trên biển”	- Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ phù hợp với điều kiện của Việt Nam; - Tạo tiền đề để phát triển ngành nuôi tôm hùm công nghiệp trên biển xa, biển hở.	Các Viện Nghiên cứu	- Tổng cục Thủy sản; - Vụ Khoa học, CN&MT; - Các Viện Nghiên cứu; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Định.	10.000
2	Dự án 2: “Nghiên cứu xây dựng mô hình và hoàn thiện quy trình nuôi tôm hùm theo nhiều giai đoạn”	- Hoàn thiện quy trình công nghệ. - Nâng cao năng suất, tăng tỷ lệ sống, giảm hệ số sử dụng thức ăn, rút ngắn thời gian quy trình nuôi, giảm rủi ro do dịch bệnh, hạn chế ô nhiễm môi trường và nâng cao hiệu quả kinh tế cho người nuôi.	- Các Viện Nghiên cứu	- Tổng cục Thủy sản; - Vụ Khoa học, CN&MT; - Các Viện Nghiên cứu; - Sở NN và PTNT các tỉnh/thành phố ven biển miền Trung.	3.000
4	Dự án 3: “Hoàn thiện quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp quy mô công nghiệp”.	Hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp, các Viện, Trường và các cơ sở sản xuất thức ăn nghiên cứu, sản xuất ra được thức ăn hỗn hợp quy mô công nghiệp theo hướng giảm hệ số sử dụng thức ăn, giảm giá thành; đảm bảo tăng sức đề kháng, nâng cao tỷ lệ sống và tốc độ sinh trưởng tôm hùm nuôi trong bể và hạn chế gây ô nhiễm môi trường.	- Các Viện Nghiên cứu	- Tổng cục Thủy sản - Vụ Khoa học, CN&MT - Các Viện Nghiên cứu - Sở NN và PTNT các tỉnh/thành phố ven biển miền Trung. - Các doanh nghiệp về SX thức ăn thủy sản.	10.000

TT	Chương trình/dự án đầu tư	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (Triệu đồng)
II	MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH BỆNH				2.500
5	Dự án 1: “Đánh giá sức tải môi trường vùng nuôi tôm hùm và đề xuất giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường”	- Đánh giá mức độ ô nhiễm và sức tải của môi trường; - Đề xuất các giải pháp để kiểm soát môi trường.	Tổng cục Thủy sản	- Các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học CN&MT; - Tổng cục Môi trường, Tổng Biên và hải đảo (Bộ Tài nguyên và MT); - Các Viện Nghiên cứu; - Sở NN và PTNT các tỉnh/thành phố ven biển miền Trung.	2.000
6	Dự án 2 “Đánh giá một số yếu tố nguy cơ liên quan đến bệnh sứa trên tôm hùm và đề xuất giải pháp”	- Tìm ra nguyên nhân và giải pháp hạn chế ảnh hưởng của bệnh dịch; - Nâng cao hiệu quả sản xuất.	Cục Thú y	- Tổng cục Thủy sản; - Các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học CN&MT; - Các Viện Nghiên cứu; - Sở NN và PTNT các tỉnh/thành phố ven biển miền Trung.	500
III	VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG				500
7	Dự án: “Báo cáo nghiên cứu tiên khả thi về phát triển hạ tầng các vùng nuôi tôm hùm tập trung giai đoạn 2025-2045”	Phục vụ xây dựng kế hoạch đầu tư hạ tầng vùng nuôi vùng nuôi tôm hùm tập trung 2025-2045.	Vụ Kế hoạch;	- Tổng cục Thủy sản; - Vụ Khoa học CN&MT; - Các Viện Nghiên cứu; - Sở NN và PTNT các tỉnh/thành phố ven biển miền Trung.	500

TT	Chương trình/dự án đầu tư	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (Triệu đồng)
IV	VỀ CHẾ BIẾN THƯƠNG MẠI:				3.000
	Dự án 1: “Hoàn thiện quy trình công nghệ bảo quản, vận chuyển sống tôm hùm”	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng thời gian và tỷ lệ sống của tôm hùm trong quá trình bảo quản, vận chuyển, lưu giữ; - Nâng cao giá trị, hỗ trợ phát triển thị trường. 	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng cục Thủy sản; - Vụ Khoa học CN&MT; - Các Viện Nghiên cứu; - Các cơ sở nuôi, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ tôm hùm 	2.000
8	Dự án 2: “Nghiên cứu, kết nối phát triển thị trường tiêu thụ tôm hùm”	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu đặc điểm, tình hình, nhu cầu thị trường nội địa và một số thị trường xuất khẩu trọng điểm; - Kết nối thị trường, đảm bảo cân đối cung cầu. 	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng cục Thủy sản; - Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương). - Vụ Khoa học CN&MT; - Các Viện Nghiên cứu; - Sở NN và PTNT các tỉnh/thành phố ven biển miền Trung. 	500
9	Dự án 3: “Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm các sản phẩm giá trị gia tăng từ tôm hùm”	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng sản phẩm được chế biến từ tôm hùm. - Nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần thúc đẩy nghề nuôi tôm phát triển bền vững. 	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng cục Thủy sản - Vụ Khoa học CN&MT; - Các Viện Nghiên cứu; - Sở NN và PTNT các tỉnh/thành phố ven biển miền Trung. - Các doanh nghiệp chế biến. 	500

TT	Chương trình/dự án đầu tư	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (Triệu đồng)
IV	VỀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT:				3.000
10	Dự án 1: “Xây dựng cơ sở dữ liệu sản xuất, xuất khẩu tôm hùm”	- Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng cơ sở dữ liệu về sản xuất, xuất khẩu tôm hùm thống nhất từ trung ương đến địa phương; - Hỗ trợ công tác chỉ đạo điều hành.	Tổng cục Thủy sản	- Các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học CN&MT; - Các Viện Nghiên cứu; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố ven biển miền Trung	500
11	Dự án 2: “Xây dựng mô hình liên kết trong sản xuất, tiêu thụ tôm hùm”.	- Hình thành được các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ nuôi, chế biến, tiêu thụ; - Nâng cao hiệu quả sản xuất.	Tổng cục Thủy sản	- Các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học CN&MT; - Cục Kinh tế HT&PTNT; - Các Viện Nghiên cứu; - Sở NN và PTNT các tỉnh/thành phố ven biển miền Trung.	2.000
12	Dự án 2: “Xúc tiến thành lập Hiệp hội của người nuôi, chế biến và xuất khẩu tôm hùm Việt Nam”	- Thành lập được Ban vận động; - Xây dựng quy chế, điều lệ và các hồ sơ pháp lý trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập Hiệp hội; - Tổ chức Đại hội thành lập Hiệp hội	Vụ Tổ chức cán bộ	- Tổng cục Thủy sản; - Cục Kinh tế HT&PTNT - Sở NN và PTNT các tỉnh/thành phố ven biển miền Trung	500
	TỔNG CỘNG				32.000

(Bảng chữ: Ba mươi hai tỷ đồng)